

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 167/2020/DS-PT

Ngày 18/9/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng

Vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Lưu Thị Thu Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân là Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông  
Ngụ Văn Minh- Kiểm sát viên

Mở phiên tòa ngày 18/9/2020, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:119/2020/TLPT-DS ngày 23/6/2020 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Do bản án dân sự sơ thẩm số:15/2020/DS-ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:182/2020/QĐXXPT-DS ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị H - Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

**Bị đơn:** Ông Y T và bà H'W - Có mặt

Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 06/11/2019 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị H trình bày: Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, bà cho vợ chồng ông Y T, bà H'W vay tiền nhiều lần để xây dựng nhà ở và đầu tư sản xuất nông nghH; Đến ngày 28/01/2018 âm lịch (tức ngày 15/3/2018 dương lịch), hai bên tính toán lại số tiền đã vay, tổng cộng 446.040.000đ. Vì vậy, bà viết giấy cho vợ chồng ông Y T vay 446.040.000đ với lãi suất 20%/tháng nhưng thực tế lãi suất thoả thuận là 02%/tháng (do bà ghi nhầm về lãi suất); Kể từ ngày 15/3/2018 đến nay, vợ chồng ông Y T không trả cho bà tiền nợ gốc và tiền lãi suất. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Y T, bà H'W phải trả cho bà 446.040.000đ và tiền lãi suất 1,5%/tháng, tính từ ngày 15/3/2018.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông ông Y T, bà H'W trình bày: Ngày 01/3/2015, vợ chồng ông, bà vay bà Hoàng Thị H 90.000.000đ để sửa chữa nhà ở, với lãi suất cứ 10.000.000đ phải trả tiền lãi 2.000.000đ/năm và 25 bao

phân bón loại Đầu Trâu; Số tiền mua phân bón, vợ chồng ông, bà đã thanh toán xong cho bà H; Số tiền vay 90.000.000đ và tiền lãi suất, vợ chồng ông, bà chưa trả cho bà H; Tháng 01/2018 âm lịch, bà H đến nhà vợ chồng ông, bà yêu cầu trả 90.000.000đ cùng với tiền lãi, nếu không trả, bà H sẽ lấy thửa đất vườn của vợ chồng ông, bà để khấu trừ nợ; Vợ chồng ông, bà dẫn bà H đi xem thửa đất và thoả thuận thửa đất có diện tích 999.000m<sup>2</sup> trị giá 799.200.000đ. Tuy nhiên, lúc này vợ chồng ông, bà đang thế chấp thửa đất tại Ngân hàng Đ vay 200.000.000đ và chưa thanh toán cho Ngân hàng. Vì vậy, vợ chồng ông, bà và bà H thoả thuận: Bà H thanh toán cho vợ chồng ông, bà khoản tiền 200.000.000đ mà vợ chồng ông, bà vay Ngân hàng cùng với tiền lãi suất, cộng với số tiền vợ chồng ông, bà vay bà H 90.000.000đ cùng với tiền lãi suất, tổng cộng 446.040.000đ; Sau khi bà H thanh toán cho Ngân hàng và rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng, vợ chồng ông, bà sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho bà H thửa đất nêu trên; Bà H sẽ thanh toán cho vợ chồng ông, bà số tiền còn lại 353.160.000đ. Vì vậy, vợ chồng ông, bà đồng ý ký vào giấy vay bà H 446.040.000đ, do bà H viết ngày 28/01/2018 âm lịch; Sau đó, vợ chồng ông, bà đưa bà H đến Ngân hàng xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H không đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất nêu; Việc bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả số tiền 446.040.000đ cùng với tiền lãi suất, vợ chồng ông, bà không đồng ý, vì vợ chồng ông, bà chỉ vay bà H 90.000.000đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 13/5/2020 của TAND huyện Krông Năng đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 BLTTDS; Điều 116, Điều 463, Điều 468, khoản 2 Điều 469 BLDS năm 2015.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

Buộc ông Y T và bà H'W, phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền nợ gốc đã vay 446.040.000đ và tiền lãi suất tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 173.509.560đ, tổng cộng 619.549.560đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 25/5/2020, bị đơn là ông Y T có đơn kháng cáo cho rằng: Năm 2015, vợ chồng ông vay bà Hoàng Thị H 90.000.000đ; Đến ngày 28/01/2018 âm lịch, bà H tính cả gốc và lãi là 446.040.000đ và đe dọa lấy đất, nhà của vợ chồng ông. Vì vậy, vợ chồng ông, đã ký vào giấy vay bà H 446.040.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng ông phải trả cho bà H 446.040.000đ tiền nợ gốc và 173.509.560đ tiền lãi, là không đúng; Thực tế, vợ chồng ông chỉ vay bà H 90.000.000đ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải

quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Y T, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Bà Hoàng Thị H khởi kiện cho rằng từ năm 2015 đến năm 2017, vợ chồng ông Y T, bà H'W vay tiền bà nhiều lần và tính đến ngày 28/01/2018 âm lịch, tổng cộng 446.040.000đ, nên bà đã viết giấy cho vợ chồng ông Y T vay số tiền 446.040.000đ với lãi suất 02%/tháng; Ông Y T, bà H'W thừa nhận chữ ký, chữ viết trên giấy vay tiền là của mình nhưng không thừa nhận đã vay số tiền nêu trên; Vợ chồng ông Y T thừa nhận trong năm 2015, đã vay tiền bà H nhiều lần, trong đó có một lần vay 90.000.000đ, còn các lần khác không nhớ; Ông Y T, bà H'W cho rằng do bị bà H đe dọa, nên đã ký vào giấy vay bà H 446.040.000đ nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã bị đe dọa. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc vợ chồng ông Y T, bà H'W phải trả cho bà H 446.040.000đ tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi, là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Y T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại biên bản hoà giải ngày 11/3/2020, ông Y T và bà H'W thừa nhận, năm 2015 có vay tiền của bà H nhiều lần; Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Y T và bà H'W thừa nhận, từ năm 2015 đến năm 2017 có vay tiền bà H nhiều lần, trong đó có một lần vay 90.000.000đ; Các lần vay khác ông và bà không nhớ; Ngày 28/01/2018 âm lịch (tức ngày 15/3/2018 dương lịch), ông Y T và bà H'W ký giấy mượn bà H số tiền 446.040.000đ; Bà H cho rằng đây là tổng số tiền ông Y T và bà H'W đã vay của bà nhiều lần từ năm 2015 đến năm 2017; Ông Y T và bà H'W cho rằng đây là số tiền nợ gốc 90.000.000đ, mà ông và bà vay bà H từ tháng 3/2015 cùng với tiền lãi suất do bà H tính toán; Hội đồng xét xử xét thấy, giấy mượn tiền ngày 15/3/2018, là sự thoả thuận giữa các bên về nội dung: Trước ngày 15/3/2018, ông Y T và bà H'W có vay bà H số tiền 446.040.000đ; Ông Y T và bà H'W cho rằng do bị bà H đe dọa và ép buộc, nên đã ký vào giấy mượn tiền ngày 15/3/2018 nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là bị đe dọa, ép buộc. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc ông Y T và bà H'W phải trả cho bà H số tiền nợ gốc đã vay 446.040.000đ và tiền lãi tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, là có căn cứ, đúng với quy

định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Y T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

**Về án phí phúc thẩm:** Do yêu cầu kháng cáo của ông Y T không được Toà án chấp nhận, ông Y T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**Vì các lẽ trên,**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Y T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 BLDS năm 2015; Giấy mượn tiền ngày 15/3/2018; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

1. Buộc ông Y T và bà H'W, phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền nợ gốc đã vay là 446.040.000đ và tiền lãi tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 173.509.560đ, tổng cộng 619.549.560đ.

2. **Về án phí phúc thẩm:** Ông Y T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0009174 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THA huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Huồn**